

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-Ctr/TU ngày 18/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Sơn La đến năm 2035, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 33/TTr-SKHCN ngày 31/01/2026; ý kiến tán thành của các đồng chí thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường ban hành kế hoạch hoặc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đã ban hành để cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch với UBND tỉnh để có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo 2009 tỉnh;
- Ban Chỉ đạo 1287 tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- NHNN Việt Nam chi nhánh khu vực 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ, CVCK);
- Phòng TCHCQT;
- Lưu: VT, KGVX, Đức Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày / /2026 của UBND tỉnh Sơn La)

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Phần II
NỘI DUNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

6. Công văn số 3803/BKHHCN-HVCL ngày 11/8/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Khung hướng dẫn địa phương về định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế;

7. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 18/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2025-2030;

8. Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

9. Kế hoạch số 320-KH/TU ngày 21/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La về triển khai, thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Sơn La;

10. Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

11. Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Sơn La đến năm 2035, định hướng đến năm 2045;

12. Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Sơn La đến năm 2030;

13. Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030;

14. Công văn số 8177/BKHHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số, người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Các hoạt động cơ bản của cơ quan nhà nước được thực hiện trên các nền tảng số tập trung, thống nhất và liên thông giữa các cấp, các ngành, tạo lập hệ sinh thái số đồng bộ, hiện đại; đồng thời bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và giữ vững chủ quyền số quốc gia. AI trở thành công cụ cốt lõi trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ ra quyết định chính sách, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*)

III. NHIỆM VỤ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về chuyển đổi số vào cấp ủy các cấp theo Quy định, hướng dẫn của Trung ương.

- Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số cụ thể trong từng năm, trong đó xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, thời hạn hoàn thành nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện (*nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...*).

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số. Kiểm tra, tự kiểm tra việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số tại các cấp, các ngành.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương thúc đẩy chuyển đổi số. Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành do các sở, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của từng vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các bộ, ngành quy định về vị trí việc làm.

3. Phát triển hạ tầng số

- Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND. Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang), nâng cấp, mở rộng băng thông đường truyền internet đến các vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tỉnh Sơn La theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã ban hành.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

4. Phát triển nhân lực số

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.

- Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

- Xây dựng Kế hoạch đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, gắn với chuyển đổi số.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai xây dựng, phát triển dữ liệu số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 2649/QĐ-UBND.

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

- Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Cập nhật, bổ sung điều chỉnh kế hoạch công bố dữ liệu mở tỉnh Sơn La, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để tỉnh chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng theo quy định tại văn bản pháp luật hiện hành; Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch theo dõi, giám sát, ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Hình thành Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh; tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống bảo đảm an ninh, an toàn; duy trì hệ thống Giám sát an ninh mạng của tỉnh; duy trì và mở rộng Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung.

- Thường xuyên kiểm tra, tập huấn hoặc diễn tập phòng chống tấn công mạng. Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương.

7. Phát triển chính quyền số

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số, lộ trình theo danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương bao gồm:

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh Sơn La; phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Sơn La để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới; phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành tỉnh Sơn La; phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La.

+ Duy trì, phát triển các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh: (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (2) Hệ thống Công thông tin điện tử; (3) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; (4) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet; (5) Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh; (6) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; (7) Công dữ liệu mở tỉnh; (8) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã.

+ Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất,

liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Triển khai các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh về khoa học công nghệ, tài chính, xây dựng, công thương, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa thể thao và du lịch, nội vụ, dân tộc và tôn giáo, tư pháp, khu công nghiệp, nông nghiệp và môi trường.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền; 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến; 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện; trên 85% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức: Triển khai Nền tảng AI tỉnh Sơn La theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng. Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động (ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

8. Phát triển kinh tế số và xã hội số

- Triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...). Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến nông sản.

- Các xã, phường tùy theo đặc điểm, lợi thế tự nhiên và chiến lược phát triển để lựa chọn triển khai các hoạt động kinh tế số trong giai đoạn 2026-2030, phù hợp với các định hướng của tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Phát triển tài khoản định danh điện tử; phát triển thanh toán số; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, lợi ích của chữ ký số trong công cuộc chuyển đổi số. Hướng dẫn, công bố cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử. Tăng cường giám sát, kiểm tra các hệ thống thông tin có sử dụng chữ ký số kết nối Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định tại Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

ban hành Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và công kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

9. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (thường xuyên, định kỳ, theo sự kiện, tuần lễ, Ngày chuyển đổi số) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết CCHC với chuyển đổi số;... để các cơ quan, tổ chức, CBCC, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,...

(chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá hàng năm về kết quả chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học. Đẩy mạnh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”, “Chuyển đổi số tỉnh Sơn La” trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, qua đó thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, địa phương, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số. Triển khai các biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch, ...

- Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ tại 100% xã, phường. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

4. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng số. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy mạnh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (*Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp*).

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế

Triển khai các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế về chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (*thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế...*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thống nhất chỉ đạo triển khai các chương trình, dự án về chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước để tránh chồng chéo, lãng phí.

- Chủ trì, tham mưu Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của các sở, ban, ngành, xã, phường, báo cáo UBND tỉnh để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các ứng dụng, phần mềm, nền tảng dùng chung đến các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả sử dụng để nhân rộng.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ đề xuất của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, tổng hợp, tham mưu với UBND tỉnh cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí, đảm bảo tỷ lệ chi cho chuyển đổi số tối thiểu 1% trong tổng chi ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của tỉnh. Báo cáo kết quả với Trưởng Ban Chỉ đạo 1287.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, phường sử dụng nguồn kinh phí chuyển đổi số theo quy định.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt hàng năm.

4. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 để cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số thông qua các loại hình thông tin: đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; tuyên truyền trực tiếp qua tuyên truyền viên cơ sở; cổng hoặc trang thông tin điện tử; mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet; tin nhắn viễn thông. Thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, bảo đảm khả năng vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin, dịch vụ số.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp vị trí việc làm, phân công cán bộ lãnh đạo, chuyên viên có năng lực tham mưu, kiến thức chuyên môn làm đầu mối phụ trách lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng đáp ứng yêu cầu về chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Khi đầu tư dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các nền tảng, phần mềm do Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030)

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2027	Chỉ tiêu giai đoạn 2028-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	PHÁT TRIỂN Hạ Tầng Số				
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	12,1%	48%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G	-	40%	99%	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	58,65%	70%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ sử dụng IPv6	-	40%	90%	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	-	30%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC				
1	Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách địa phương	1,02%	Tối thiểu 1%	Tối thiểu 1%	Sở Tài chính
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản	98,7%; 75%	100%	100%	Sở Nội vụ

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2027	Chỉ tiêu giai đoạn 2028-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
3	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, xã, phường được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	-	50%	100%	Công an tỉnh
4	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ	-	-	25%	Sở Nội vụ
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông				
5.1	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế (khám chữa bệnh từ xa; hồ sơ sức khỏe điện tử & bệnh án điện tử; hệ thống quản lý y tế thông minh; ứng dụng di động & nền tảng số y tế cho người dân; sử dụng thiết bị y tế thông minh; truyền thông - giáo dục sức khỏe qua nền tảng số)</i>	21,78%	80%	90%	Sở Y tế
5.2	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục (dạy và học trực tuyến; học liệu số; hệ thống quản lý giáo dục; kiểm tra, đánh giá và thi cử qua nền tảng số; Giáo dục STEM, công nghệ số; quản trị và dịch vụ hành chính giáo dục số)</i>	-	80%	90%	Sở Giáo dục và Đào tạo
5.3	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm (ứng dụng VssID - Bảo hiểm xã hội số; tư vấn, mua bảo hiểm online, ký hợp đồng điện tử; thu phí và thanh toán số; bồi thường và chi trả bảo hiểm số; tổng đài chăm sóc khách hàng thông minh, chatbot AI)</i>	82%	80%	90%	Bảo hiểm xã hội tỉnh
5.4	<i>Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông (dịch vụ vận tải số cho người dân; hệ thống quản lý phương tiện và người lái; logistics và vận tải hàng hóa số;</i>	-	80%	90%	Sở Xây dựng

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2027	Chỉ tiêu giai đoạn 2028-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	<i>vé điện tử giao thông công cộng, thanh toán giao thông không tiền mặt)</i>				
III	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ				
	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh				
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	90,46%	95%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	≥ 70%	80%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến; Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	100%; -	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	51,43%	70%	100%	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	-	≥ 60%	≥ 85%	Văn phòng UBND tỉnh
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	-	95%	99%	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa. Tỷ lệ thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công được khai thác, sử dụng lại	95,21%; -	100%; 80%	100%; 100%	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2027	Chỉ tiêu giai đoạn 2028-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
8	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	62%	70%	80%	Văn phòng UBND tỉnh
9	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	85%	90%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu				
10	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	-	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	-	≥95%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
12	Tỷ lệ nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các sở, ngành, xã, phường được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử	-	≥95%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
13	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	-	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	Công an tỉnh
14	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	66,67%	≥ 68%	≥ 70%	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương	-	50%	≥ 80%	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung của các sở, ban, ngành được tích hợp, kết nối, chia sẻ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	24%	50%	≥ 85%	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu	Kết quả giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2027	Chỉ tiêu giai đoạn 2028-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
17	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	-	20%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Tỷ lệ hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	100%	100%	100%	Công an tỉnh
IV	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ				
1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương ứng dụng công nghệ số	≥ 30%	≥ 40%	≥ 60%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	51,35%	65%	≥ 80%	Công an tỉnh
3	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	≥ 90%	≥ 92%	≥ 95%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3
4	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt	-	10 lần GRDP	30 lần GRDP	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3
5	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	34,4%	50%	≥ 95%	Sở Y tế
6	Tỷ lệ người dân có kỹ năng CNTT-TT cơ bản	-	50%	≥ 95%	UBND xã, phường
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	3,36%	10%	30%	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Quy mô kinh tế số trong GRDP	6,5%	10%	15%	Sở Tài chính

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHUYÊN ĐỔI SỐ				
1	Xây dựng Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh thực hiện Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch UBND tỉnh	Tháng 12 hàng năm (kế hoạch năm tiếp theo)
2	Ban hành kế hoạch (hoặc sửa đổi bổ sung kế hoạch đã ban hành) để cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của UBND tỉnh về Chuyển đổi số; cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch	Tháng 12 hàng năm (kế hoạch năm tiếp theo)
3	Kiểm tra việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số tại các cấp, các ngành	Ban Chỉ đạo 1287 tỉnh; Ban Chỉ đạo các sở, ngành, xã, phường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	- Kế hoạch kiểm tra hàng năm - Báo cáo, kết luận kiểm tra	Hàng năm
4	- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số - Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho chuyển đổi số	- Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thông tin công khai, tuyên truyền rộng rãi trên báo, đài và hệ thống thông tin cơ sở, mạng xã hội	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
II	THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỐ				
1	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Khung kiến trúc số tỉnh Sơn La được cập nhật phù hợp yêu cầu	2026-2030
2	Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương thúc đẩy chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản chỉ đạo, điều hành về Chuyển đổi số	2026-2030
3	Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL chuyên ngành do các sở, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Quy chế, Quy định	2026-2030
4	Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của từng vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các bộ, ngành quy định về vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm được ban hành	2026-2030
III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ				
1	Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2025-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính quyền số	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Lồng ghép chiến lược tổng thể, nội dung phát triển hạ tầng số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính		2026-2030
3	Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang), nâng cấp, mở rộng băng thông đường truyền internet đến các vùng sâu, vùng xa, biên giới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND cấp xã		2026-2030
4	Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tỉnh Sơn La theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Báo cáo thực hiện	2026-2030
5	Rà soát, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Quyết định	2026-2030
6	Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan		2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
IV	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ				
1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	2026-2030
2	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Kế hoạch	2026-2030
3	Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Báo cáo thực hiện	2026-2030
4	Xây dựng Kế hoạch đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, gắn với chuyển đổi số	Trường Cao đẳng Sơn La; Cao đẳng Kỹ thuật, Công nghệ; Cao đẳng Y tế Sơn La; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Đơn vị có liên quan	Kế hoạch	2026-2030
V	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ				
1	Triển khai xây dựng, phát triển dữ liệu số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Sơn La đến năm 2030	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Báo cáo thực hiện	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, doanh nghiệp	Các sở: Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2026-2030
3	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo thực hiện	2026-2030
4	Cập nhật, bổ sung điều chỉnh kế hoạch công bố dữ liệu mở tỉnh Sơn La, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Báo cáo thực hiện	Tháng 6/2026
5	Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
6	Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể để tỉnh chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Văn bản được cấp có thẩm quyền ban hành	Tháng 12/2026
VI	AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG				
1	Hình thành Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh với các chức năng, nhiệm vụ: - Theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống bảo đảm an ninh, an toàn; - Hệ thống Giám sát an ninh mạng (SOC) của tỉnh; - Hệ thống phòng, chống mã độc theo mô hình quản trị tập trung	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Trung tâm An ninh mạng tỉnh Sơn La; Báo cáo kết quả triển khai, hoạt động	2026-2030
2	Triển khai hoạt động của đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả hoạt động	2026-2030
3	Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả hoạt động	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
4	Kiểm tra, tập huấn hoặc diễn tập phòng chống tấn công mạng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; đơn vị có liên quan	Các cuộc kiểm tra, diễn tập; báo cáo kết quả	2026-2030
5	Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ)	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kết nối với Hệ thống giám sát của Trung ương	2026-2030
VII	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Xây dựng, phát triển Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
2	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Sơn La để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
3	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành tỉnh Sơn La	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
4	Xây dựng Nền tảng AI tỉnh Sơn La theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
5	Phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
6	Duy trì, phát triển các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh: - (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (2) Hệ thống Cổng thông tin điện tử; (3) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; (4) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet - (1) Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh; (2) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; (3) Cổng dữ liệu mở tỉnh; (4) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã	- Văn phòng UBND tỉnh - Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch thuê dịch vụ, đầu tư xây dựng	2026-2030
7	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
8	Triển khai các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành				
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã; các doanh nghiệp có liên quan	Các HTTT, CSDL	2026-2030
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Tài chính	Sở Tài chính			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng	Sở Xây dựng			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Công thương	Sở Công thương			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Y tế	Sở Y tế			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ	Sở Nội vụ			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Dân tộc và Tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Tư pháp	Sở Tư pháp			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu các khu công nghiệp	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh			
-	Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường			

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
9	Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Kế hoạch triển khai	2026-2030
10	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Báo cáo kết quả	2026-2030
11	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2030
12	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	2026-2030
VIII	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ				
1	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các doanh nghiệp nhỏ và vừa; các đơn vị cung cấp giải pháp số	Báo cáo kết quả	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
2	Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Báo cáo kết quả	2026-2030
3	Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến nông sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả	2026-2030
4	Phát triển tài khoản định danh điện tử	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả	2026-2030
5	Phát triển thanh toán số	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả	2026-2030
6	Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	Sở Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng; Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả	2026-2030
7	Đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ chữ ký số cho cá nhân, tổ chức để thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới sử dụng trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ, Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng; Tổ công nghệ số cộng đồng	Báo cáo của UBND xã, phường về tỷ lệ cá nhân, tổ chức trên địa bàn đã được cấp chữ ký số	2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
IX	NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN				
1	Xây dựng và phát sóng, đăng tải tin, bài, ảnh, phóng sự về chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, phát thanh truyền hình, Công/Trang thông tin điện tử	Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đơn vị có liên quan	Tin, bài, ảnh, phóng sự	Cập nhật hàng năm
2	Xây dựng tài liệu, cẩm nang về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Video clip, infographic, mạng xã hội...	2026-2030
3	Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Hội nghị, hội thảo, tọa đàm...	2026-2030
4	Tôn vinh, biểu dương, khen thưởng đối với các chuyên gia, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; các mô hình tiêu biểu, điển hình chuyển đổi số trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Hội nghị	2026-2030
5	Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, các cuộc thi, hội thi và các sự kiện kết nối giữa doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, người dân	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Hội nghị, hội thảo, các cuộc thi và sự kiện	2026-2030

Phụ lục III
KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 *(chi tiết tại Phụ lục I)*

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; hoàn thiện thể chế số; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các sở, ngành, địa phương

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 266-QĐ/TU ngày 15/10/2021 và Quyết định số 393-QĐ/TU ngày 12/5/2022 về thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy do đồng chí Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban.

- Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí thành viên, đồng thời thành lập, kiện toàn 06 Tổ công tác về các lĩnh vực chuyển đổi số để trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo¹.

- Hằng năm, Ban Chỉ đạo đã ban hành kế hoạch hoạt động để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số trong năm; đồng thời ban hành các kế hoạch chuyên đề như: Kế hoạch tổ chức Cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Sơn La, Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học về “Chuyển đổi nhận thức và phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tạo nền móng chuyển đổi số tại tỉnh Sơn La”, Kế hoạch tổ chức Hội nghị “Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số cho các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh Sơn La”, Kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động Ngày Chuyển đổi số tỉnh Sơn La...

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 01/11/2021 để cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 17-NQ/TU trên địa bàn toàn tỉnh; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; hằng năm, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, giải pháp trọng tâm mà Chính phủ, các bộ, ngành và Ban Chỉ đạo đã đề ra trong năm phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh; ban hành 50 Quyết định, 48 Kế hoạch về quy định,

¹ Quyết định số 04-QĐ/BCĐ ngày 01/11/2022 về Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Sơn La; Quyết định số 05-QĐ/BCĐ ngày 01/11/2022 về kiện toàn các Tổ công tác của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Sơn La; Quyết định số 06-QĐ/BCĐ ngày 01/11/2023 về việc kiện toàn Tổ công tác thực hiện chuẩn hóa hệ thống thông tin dữ liệu tại Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Sơn La.

quy chế, chương trình, đề án của tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành trung ương về công tác chuyển đổi số. Định kỳ hằng quý đánh giá tình hình chuyển đổi số tỉnh Sơn La báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số và các bộ, ngành theo quy định.

- 100% cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 17-NQ/TU và Kế hoạch 251/KH-UBND, xây dựng lộ trình chuyển đổi số cả giai đoạn và hằng năm; đồng thời đã thành lập Ban Chỉ đạo, để tổ chức thực hiện chuyển đổi số tại sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, để phát huy hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo thông suốt các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với nhiệm vụ thực hiện Đề án 06 và Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Sơn La².

b) Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các sở, ngành, địa phương

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành 01 cuộc giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU đối với Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Sơn La, Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, Chi ủy Chi bộ Sở Thông tin và Truyền thông; 01 cuộc kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU đối với Đảng ủy, đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở phụ trách lĩnh vực chuyển đổi số của Sở Y tế; Ban Thường vụ Huyện ủy và các đồng chí Thường trực Huyện ủy Phù Yên.

- Ban Chỉ đạo đã ban hành và triển khai 04 Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Chuyển đổi số của các sở, ngành, huyện, trong đó: Năm 2022 đã thực hiện kiểm tra trực tiếp đối với 06 cơ quan, đơn vị, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Huyện ủy, UBND các huyện: Mường La, Mộc Châu, Phù Yên; Năm 2023, đã thực hiện kiểm tra trực tiếp đối với 04 cơ quan, đơn vị, gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện: Quỳnh Nhai, Vân Hồ. Năm 2024, kiểm tra trực tiếp tại 03 cơ quan, đơn vị, gồm: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện: Sông Mã, Mai Sơn. Đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số các huyện,

² Quyết định số 1291-QĐ/TU ngày 14/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Sơn La; Quyết định số 1293-QĐ/TU ngày 14/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Sơn La; Quyết định số 1363-QĐ/TU ngày 15/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Sơn La; Quyết định số 2009-QĐ/TU ngày 19/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hợp nhất Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Sơn La và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Sơn La; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Sơn La về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh Sơn La về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

thành phố triển khai công tác kiểm tra giám sát về Chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Năm 2025, thực hiện kiểm tra tại tất cả các sở ngành, UBND xã, phường thông qua môi trường số, hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2. Hạ tầng số

- Hạ tầng viễn thông tiếp tục được chú trọng đầu tư tới vùng sâu, vùng xa, đặc biệt các doanh nghiệp viễn thông đã triển khai mạng di động 4G đến tất cả các huyện, xã trong tỉnh. Đến nay, 100% xã đã có mạng thông tin băng rộng cố định (cáp quang) và được phủ cập mạng thông tin băng rộng di động (4G); tỷ lệ bản được phủ sóng 4G đạt 96,26%, tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G đạt 98,5%; tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng băng rộng cố định (cáp quang) đạt 80,07%; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 64%; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 96,39%; thực hiện rà soát, đề xuất nội dung, chỉ tiêu phát triển hạ tầng viễn thông vào Văn kiện Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2025-2030.

- Về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: Tổng số máy tính của cán bộ công chức viên chức của tỉnh Sơn La là 7.431 máy tính (đạt tỷ lệ 100%), hầu hết các máy tính đều được kết nối Internet (trừ số máy tính được dùng để soạn thảo văn bản mật). Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan nhà nước đã được triển khai, kết nối từ UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; 100% trụ sở làm việc của các cơ quan đảng, chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã, phường, thị trấn đã được kết nối mạng Internet băng thông rộng (cáp quang, 4G) đáp ứng yêu cầu triển khai các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, phục vụ phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

3. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

- Ban Tuyên giáo tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị báo cáo viên tháng 9/2021 triển khai quán triệt Nghị quyết 17-NQ/TU cho các đồng chí báo cáo viên tỉnh ủy và các huyện ủy, thành ủy trong toàn tỉnh; Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, đảng bộ, chi bộ cơ sở đã tổ chức các hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết 17-NQ/TU cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, hội thi nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức cho nhân dân về chuyển đổi số, gồm: (1) Tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2023; năm 2024 cho đối tượng là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Sơn La; đoàn viên, hội viên, sinh viên, học sinh và nhân dân là người Sơn La đang sinh sống, làm việc ở trong và ngoài tỉnh; (2) Tổ chức Hội thảo khoa học “Chuyển đổi nhận thức và phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tạo nền móng chuyển đổi số tại tỉnh Sơn La” sự tham gia của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh; Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; lãnh đạo các Sở, ban, ngành, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy và các đoàn thể tỉnh; lãnh đạo thành ủy, huyện ủy, lãnh đạo Ban Tuyên giáo, tuyên huấn các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các chuyên gia chuyển đổi số của tỉnh. Với mục đích phân tích, đánh giá thực trạng, xác định các cơ sở lý luận, khoa học và

cơ sở thực tiễn, đề xuất, khuyến nghị các giải pháp để nâng cao nhận thức mạnh mẽ, toàn diện về vai trò, tầm quan trọng, tính cấp thiết của chuyển đổi số; (3) Tổ chức Hội nghị “Giải pháp thúc đẩy Chuyển đổi số cho doanh nghiệp và người dân” với gần 200 đại biểu là lãnh đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành, phố; sự có mặt của trên 100 doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Có 05 chuyên đề tham luận tại Hội nghị của 05 đơn vị doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu tại Việt Nam đang tham gia mạnh mẽ vào chương trình Chuyển đổi số Quốc gia chia sẻ về những chương trình, sản phẩm hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã tỉnh Sơn La chuyển đổi số.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu tổ chức các Hội nghị tập huấn (*trực tiếp tại tỉnh và trực tuyến đến tất cả các huyện, xã*) về nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; về tổ chức triển khai dữ liệu số trong cơ quan nhà nước tỉnh và quản lý đầu tư ứng dụng CNTT, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước cho gần 10.000 lượt lãnh đạo, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, xã, phường, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã đã chủ động tổ chức trên 50 hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương với gần 18.000 lượt tham gia của lãnh đạo, công chức, viên chức của các sở ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh; Ngành Công an tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn công dân đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử gắn với triển khai thu nhận hồ sơ Căn cước công dân trên địa bàn tỉnh... Tham dự đầy đủ các Hội thảo liên quan đến chuyển đổi số do Văn phòng chính phủ, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức (*cả trực tiếp và trực tuyến*).

4. Dữ liệu số

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chủ động xây dựng và triển khai các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung; xây dựng và phát triển kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, doanh nghiệp, nhân dân tham gia khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đã ban hành và tổ chức công bố dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Sơn La (<https://data.sonla.gov.vn/>) cung cấp 608 dữ liệu thuộc tất cả các lĩnh vực theo danh mục tại Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La.

- Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã triển khai nhiều CSDL chuyên ngành phục vụ cho công tác chuyên môn, bước đầu hình thành dữ liệu dùng chung của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống của bộ, ngành qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và của tỉnh; đến nay, đã xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Công an, Doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm xã hội, Tư pháp, Dân tộc, Giáo dục, Tài

nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hóa, Du lịch... Tiếp tục duy trì các nền tảng số dùng chung của tỉnh bao gồm: (1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); (2) Nền tảng Trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC; (3) Nền tảng giám sát an toàn thông tin mạng (SOC); (4) Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; (5) Cổng dữ liệu mở.

5. An toàn thông tin mạng

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin đã được quan tâm và cơ bản đáp ứng yêu cầu về bảo mật thông tin, dữ liệu: (i) Triển khai mô hình 4 lớp (*lực lượng tại chỗ, giám sát chuyên nghiệp, độc lập kiểm tra, kết nối với hệ thống giám sát quốc gia*). Đã phê duyệt 09 Hệ thống thông tin cấp độ 3 (*Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống Thư điện tử công vụ; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh; Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh; Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; hệ thống thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh, hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch trực tuyến tỉnh*); (ii) Triển khai Hệ thống giám sát an ninh mạng (SOC) để giám sát, điều phối, tự động hóa và phản ứng an ninh cho hệ thống máy chủ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; trong giai đoạn 2021-2025, Hệ thống SOC đã ghi nhận 5743 cảnh báo vào các hệ thống máy chủ, máy tính người dùng, xác minh và xử lý 271 yêu cầu hỗ trợ; cấu hình chặn 256 địa chỉ IP có hành vi rà quét, thăm dò và cố gắng xâm nhập hệ thống; (iii) Triển khai Hệ thống phòng, chống mã độc tập trung toàn tỉnh cho trên 7.000 máy chủ, máy trạm trong các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã, duy trì kết nối và chia sẻ dữ liệu về Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, trong giai đoạn 2021-2025, đã phát hiện và xử lý 11.054 lượt máy tính nhiễm các virus thông thường, nhiễm mã độc quảng cáo và mã độc theo dõi thao tác bàn phím; phát hiện cảnh báo và xử lý 10.970 lượt máy tính có các lỗ hổng bảo mật; ngăn chặn 910 lượt máy tính có kết nối nguy hiểm không thông qua tường lửa; (iv) Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh đã ban hành 57 văn bản cảnh báo, rà soát về tình hình mất an toàn thông tin và các chiến dịch tấn công có chủ đích; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị áp dụng Sổ tay Hướng dẫn tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (phiên bản 1.0).

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trên không gian mạng, giải quyết tốt các vụ việc về an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

6. Chính quyền số

- Duy trì có hiệu quả các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung của tỉnh như:

+ Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai tại 725 cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trong tỉnh với hơn 11.000 tài khoản của cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo việc xử lý văn bản hoàn toàn trên môi trường mạng, đồng thời bảo đảm việc gửi, nhận văn bản thông suốt từ tỉnh đến xã và các bộ, ngành trung ương.

+ Hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đã được triển khai, kết nối từ UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I của Trung ương.

+ Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đã được triển khai tại UBND tỉnh thông suốt tới 100% UBND cấp huyện, cấp xã và được kết nối với các hội nghị trực tuyến của Chính phủ, bộ, ngành trung ương bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu qua hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng.

+ Hệ thống Thư điện tử công vụ đã cung cấp và bảo đảm hoạt động cho trên 28.000 tài khoản của các cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, chính quyền và các đơn vị sự nghiệp (*từ tỉnh, huyện, xã*) phục vụ việc trao đổi, chuyển và nhận thông tin trên môi trường mạng.

+ Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La (<https://sonla.gov.vn>) là kênh cung cấp thông tin chính thức của UBND tỉnh về các chủ trương, chính sách, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý, điều hành của tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh với 01 Cổng chính, Trang thông tin điện tử thành phần của 14 sở, ban, ngành và UBND cấp xã. Ngoài ra, chuyên trang chuyển đổi số tỉnh Sơn La (<https://chuyendoiso.sonla.gov.vn>) thường xuyên cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số theo các nội dung xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

+ Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã được triển khai góp phần đồng bộ, bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước.

+ Hệ thống thông tin phục vụ họp (eCabinet) được triển khai phục vụ 100% các cuộc họp, hội nghị do UBND tỉnh chủ trì và một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, hướng đến mục tiêu họp không giấy tờ góp phần tích cực vào công tác cải cách hành chính.

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La liên thông, đồng bộ các cấp chính quyền trong tỉnh và đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu và được truy cập qua Cổng dịch vụ công quốc gia:

(1) Đến hết tháng 6/2025, tổng số TTHC đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến của 3 cấp (14 sở ngành, 12 huyện, thành phố và 200 xã) là 1.855 dịch vụ (*trong đó: 377 dịch vụ công trực tuyến một phần, 1.478 dịch vụ công trực tuyến toàn trình*); tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 83,6%; tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến qua các dịch vụ công đạt 80,2%; tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đạt 96,1%; Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 87,47%;

(2) Từ 01/7/2025, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (14 sở, ngành và 75 xã), Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Sơn La đã cung cấp 2.147 TTHC, trong đó: 940/1062 TTHC trực tuyến toàn trình, 906 TTHC trực tuyến một phần; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 62,3%; tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đạt 94,70%; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 87,47%; tỷ lệ hồ sơ tthc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 84,86%.

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp đã đảm bảo việc trao đổi các văn bản điện tử được nhanh, thuận lợi, đảm bảo an toàn thông tin; tiết kiệm thời gian trình ký và chi phí in sao, chuyển phát tài liệu. Đến hết tháng 12/2025, toàn tỉnh có 10.282 Chứng thư số đang hoạt động, trong đó: 1.455 Chứng thư số tổ chức, 8.827 Chứng thư số cá nhân gồm: 6.136 Chứng thư số loại Token, 541 Chứng thư số loại SIM-PKI, 2.150 Chứng thư số RSSP (ký số tập trung).

- Hằng năm, UBND tỉnh đã ban hành quy định³ và thực hiện đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số, Chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh bằng các tiêu chí cụ thể, khách quan và công bằng, qua đó tạo động lực để các cơ quan, đơn vị triển khai thành công các mục tiêu, giải pháp được đặt ra tại Nghị quyết Chuyển đổi số của tỉnh.

- Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Sơn La đã có 38 Sở, ban, ngành, ban đảng, tổ chức đoàn thể của tỉnh tham gia xây dựng chỉ tiêu báo cáo, hoàn thành hệ thống bảng biểu và cung cấp dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý điều hành của ngành và công tác tổng hợp báo cáo tình hình, công tác giám sát, điều hành kinh tế - xã hội của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 quy định chế độ báo cáo, cập nhật và khai thác dữ liệu hệ thống thông tin báo cáo tại Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Sơn La. Với dữ liệu được cập nhật thường xuyên từ các các sở, ngành và kết nối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác, đã giúp cho lãnh đạo UBND tỉnh có thể giám sát hằng ngày về tình hình thu chi ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1903/QĐ-UBND phê duyệt Đề án triển khai Mô hình “Bệnh viện thông minh” tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; ban hành kế hoạch triển khai bệnh án điện tử tại các bệnh viện tuyến tỉnh; tập trung chỉ đạo Ngành Giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai đề án thí điểm mô hình phòng học thông minh tại Trường THPT Tô Hiệu và THPT Chuyên tỉnh Sơn La.

7. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kinh tế số

- Về khuyến khích phát triển doanh nghiệp chuyển đổi số: Đề án triển khai chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025 (*Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh*), trong đó có các mục tiêu hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La thực hiện chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đã nhận thức tốt về chuyển đổi số và quan tâm đầu tư về cơ sở hạ tầng, ứng dụng CNTT phục vụ sản xuất, kinh doanh (*ứng dụng quản*

³ Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 15/9/2021; Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 13/4/2023; Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 02/7/2024; Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 28/11/2025.

lý kế toán, nhân sự, tiền lương, thuế, thanh toán điện tử...). Trên 97% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nộp thuế điện tử, ngoài ra, một số doanh nghiệp tư nhân đã ứng dụng CNTT trong quản lý sản xuất, chất lượng sản phẩm, bán hàng trực tuyến; quản lý hàng hóa tại các siêu thị, cửa hàng và phát triển thị trường. Đặc biệt, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng, bưu điện, viễn thông... đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ.

- Về kinh tế số công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông (kinh tế số ICT): Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh tham gia chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; năm 2022, doanh thu về viễn thông và Internet đạt 1.467 tỷ đồng, năm 2023 đạt 1.464 tỷ đồng, năm 2024 đạt 1.462 tỷ đồng.

- Về thương mại điện tử: Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai Kế hoạch hỗ trợ hộ SXNN lên sàn TMĐT nhằm thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp nông thôn. Chỉ đạo các doanh nghiệp nền tảng số phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh, Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh,... tập huấn đào tạo trực tiếp cho các hợp tác xã trọng điểm của tỉnh, quảng bá xúc tiến thương mại, xuất khẩu nông sản tỉnh Sơn La trên sàn TMĐT. Hỗ trợ các 42 Doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia quảng bá, giới thiệu đơn vị với 60 sản phẩm nông sản tiêu biểu trên Trang thông tin doanh nghiệp và nông sản tỉnh Sơn La (tại địa chỉ <https://agritradepage.vn/>). Hỗ trợ 05 Doanh nghiệp, Hợp tác xã với 75 sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu đưa lên sàn Alibaba.com, Agrim, EC. Xây dựng, biên tập các công cụ truyền thông hỗ trợ doanh nghiệp, HTX tìm kiếm đối tác trên nền tảng số (*kênh Youtube, bài viết, video, thực hiện quảng cáo Google Adwords...*), tập trung vào sản phẩm xoài và cà phê. Tổ chức các hội nghị bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp, thương nhân làm công tác quản lý, phát triển, kinh doanh thương mại điện tử.

- Kinh tế số ngành, lĩnh vực:

+ Y tế: 100% các Bệnh viện đã triển khai Hệ thống thông tin bệnh viện; Hệ thống thông tin xét nghiệm; Hệ thống thông tin chẩn đoán hình ảnh; triển khai các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán viện phí; triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Triển khai Mô hình “Bệnh viện thông minh” tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La (theo Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh).

+ Giáo dục và Đào tạo: Triển khai CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La (<https://sgd.csdl.moet.gov.vn>); phần mềm quản lý trường học từ mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên đảm bảo quản lý học sinh, đội ngũ, kết quả học tập, cơ sở vật chất, xếp thời khóa biểu; sử dụng công nghệ trực tuyến; đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu từ trường đến phòng, Sở Giáo dục Đào tạo; triển khai sử dụng học bạ điện tử qua hệ thống SMAS, VNEDU; phần mềm Kiểm định chất lượng Giáo dục; Hệ thống dữ liệu quản lý thi tốt nghiệp trung học phổ thông đồng bộ từ Bộ Giáo dục Đào tạo.

+ Nông nghiệp và Môi trường: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; bố trí nguồn lực hợp lý để xây dựng, hoàn thiện đúng tiến độ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung toàn tỉnh bao gồm: (1) Về triển khai cơ sở dữ liệu đất đai: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Dự án tổng thể của tỉnh và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Dự án Tăng cường cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) tại 06/12 huyện thuộc tỉnh; (2) Về triển khai cơ sở dữ liệu Môi trường: Xây dựng CSDL quan trắc, giám sát môi trường định kỳ; Dữ liệu hồ sơ, thủ tục môi trường; Dữ liệu đa dạng sinh học; Dữ liệu thanh tra về môi trường và đa dạng sinh học; (3) Về triển khai cơ sở dữ liệu về Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn: Đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng tại địa chỉ <https://tnn.sotnmt.sonla.gov.vn> và <https://kttv.sotnmt.sonla.gov.vn>. Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý, bảo vệ rừng; Sử dụng phần mềm cập nhật diễn biến rừng của Tổng cục Lâm nghiệp (FRMS Destop) và phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên thiết bị di động (FRMS Mobile) của dự án SNRM trong việc theo dõi, cập nhật các biến động về diện tích rừng và đất lâm nghiệp phục vụ công tác công bố hiện trạng rừng hằng năm trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, ứng dụng các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được kết nối và điều khiển tự động trong suốt quá trình sản xuất nông nghiệp.

+ Xây dựng và quy hoạch đô thị: Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch trực tuyến trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin địa lý toàn cầu, điện toán đám mây trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn năm 2022-2023 (tại địa chỉ <https://tracuuquyhoachsonla.vn>); hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nguyên liệu dùng cho sản xuất vật liệu xây dựng trong nước để quản lý (tại địa chỉ csdlnguynlieuxd.sonla.gov.vn) và cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La (tại địa chỉ csdlnguonnhanlucxd.sonla.gov.vn). Thực hiện số hóa một phần tài liệu năm 2018 của lĩnh vực Quản lý xây dựng (với 358 hồ sơ tương đương với 82,1m tài liệu), các quy trình được thực hiện trên <https://sohoa.sonla.gov.vn>.

+ Giao thông vận tải: 100% các đơn vị thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ sử dụng hoá đơn điện tử để giao dịch, thanh toán. Quản lý phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, hồ sơ phương tiện, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện trên nền tảng số của Bộ Giao thông vận tải; hệ thống cơ sở dữ liệu cấp giấy phép lái xe được truyền về Cục đường bộ Việt Nam hàng ngày để đồng bộ dữ liệu, quản lý giấy phép lái xe trên toàn quốc; Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách thực hiện bán vé xe vận tải bằng hình thức bán vé điện tử, bán vé qua điện thoại.

+ Công nghiệp, năng lượng: Duy trì và cập nhật dữ liệu, bản đồ số (GIS) quản lý thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy điện.

+ Du lịch: Triển khai ứng dụng du lịch thông minh tại địa chỉ <https://mysonla.vn/> và App Tourism trên điện thoại di động; phần mềm Quản lý

di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ <http://dsvh.sonla.gov.vn>. Triển khai quảng bá Tour du lịch ảo tại khu du lịch Quốc gia Mộc Châu giúp người xem có thể trải nghiệm đi lại, tham quan, tương tác gần như thực tế với với địa danh đã số hoá trong môi trường 3D thông qua các sản phẩm công nghệ.

b) Xã hội số

- Ngay sau khi chuyển sang chính quyền 2 cấp từ 01/7/2025, UBND tại 75 xã, phường đã kịp thời kiện toàn, thành lập 2.233 Tổ công nghệ số cộng đồng, với 13.574 thành viên⁴. Để nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho thành viên các Tổ chuyển đổi số cộng đồng, Sở Thông tin và Truyền thông (*nay là Sở Khoa học và Công nghệ*) đã phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông (*nay là Bộ Khoa học và Công nghệ*), các doanh nghiệp Buu chính, Viễn thông, Công nghệ thông tin và UBND các huyện, thành phố, UBND xã, phường tổ chức tập huấn trực tiếp và trực tuyến cho các thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh theo hình thức trực tiếp và trực tuyến (*năm 2022 tập huấn cho 8.097 thành viên; năm 2023 tập huấn cho trên 6.000 thành viên; năm 2024 tập huấn cho gần 2.000 thành viên; năm 2025 đã tập huấn cho 1.071 thành viên*). Nội dung bồi dưỡng, tập huấn nhằm cung cấp thông tin cho các thành viên của Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thanh toán không dùng tiền mặt; mua bán trên các sàn thương mại điện tử và sử dụng một số nền tảng, ứng dụng số phổ biến hiện nay.

- Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai rộng khắp cho tất cả các nhóm đối tượng: (1) Người dân; (2) Học sinh, sinh viên; (3) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong CQNN; (4) Người lao động trong các doanh nghiệp, từng bước phấn đấu hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số toàn dân.

- Tập trung triển khai phủ rộng mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng tạo môi trường thuận lợi trong công tác chuyển đổi số. Tăng cường phổ cập, khuyến khích người dân sử dụng dữ liệu di động tốc độ cao 4G và sử dụng thiết bị di động thông minh.

- Về thanh toán không dùng tiền mặt: (1) Toàn tỉnh có 609 cơ sở giáo dục thực hiện thu học phí, lệ phí tuyển sinh và các khoản thu theo phương thức không dùng tiền mặt; (2) 100% các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong khám, chữa bệnh; (3) 100% các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh triển khai hỗ trợ thanh toán điện tử, 539 lượt đơn vị kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền về đẩy mạnh thanh toán điện tử, không tiền mặt trong hoạt động kinh doanh; (4) 43,49% đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưởng hưu trí xã hội đã thực hiện mở tài khoản nhận chi trả trên địa bàn tỉnh, 82,8% đối tượng (đã mở tài khoản) nhận hưởng chính sách qua tài khoản (đạt 36% tổng số đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội

⁴ Giai đoạn từ năm 2021 đến hết tháng 6/2025 UBND 12 huyện, 200 xã, phường, thị trấn đã thành lập 2.448 Tổ chuyển đổi số cộng đồng, với 15.101 thành viên.

và hưu trí xã hội).

- Đẩy mạnh triển khai thúc đẩy phát triển công dân số, khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, đã tổ chức hướng dẫn nhân dân toàn tỉnh, kích hoạt thành công 686.470 tài khoản định danh điện tử mức 1, mức 2; cấp 1.008 tài khoản định danh tổ chức/2.408 doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động.

8. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

- Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng; Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị; hệ thống thông tin cơ sở; mạng xã hội, trong đó:

+ Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh (nay là Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La) đã đăng tải tin, bài, ảnh, video clip tuyên truyền về chuyển đổi số trên báo in, báo điện tử; duy trì mục “Số và cuộc sống” trên Trang thông tin điện tử của Đài; Chuyên mục “Sơn La Chuyển đổi số” (02 số/tháng) và mục “Cuộc sống số” (01 tuần 01 số), với tổng số trên 2.500 tin, bài, phóng sự, video clip đã được đăng tải, phát sóng.

+ Cổng Thông tin điện tử, chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Sơn La đăng tải gần 300 tin, bài, ảnh tại chuyên mục Chuyển đổi số và 150 văn bản chỉ đạo điều hành về Chuyển đổi số. Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đã cung cấp gần 3.000 tin, bài, ảnh, chương trình, phóng sự về Chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương.

+ Các Hệ thống truyền thanh cơ sở đã có chuyên mục riêng về Chuyển đổi số với gần 2.000 tin, bài trên sóng phát thanh của huyện, thành phố, và Đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn,... bằng tiếng phổ thông, tiếng dân tộc.

- Nhằm phát huy truyền thống yêu nước, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với chuyển đổi số, ngày 24/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-UBND về phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 21/6/2025 ban hành Kế hoạch phát động Phong trào thi đua “Sơn La thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” giai đoạn 2025-2030. Đến hết năm 2025, đã có 12 tập thể, 15 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen về thành tích trong thực hiện Phong trào thi đua Chuyển đổi số bằng những sáng kiến, việc làm mang lại hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai chuyển đổi số trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương.

9. Tồn tại, hạn chế

a) Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng thể chế và nguồn lực

Việc lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa quyết liệt, nguồn lực chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; kỹ năng số của người dân và doanh nghiệp nhất là người dân ở các vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

b) Về hạ tầng số và nền tảng số

Hạ tầng viễn thông trên địa bàn còn thiếu, hiện toàn tỉnh còn 69 bản chưa có băng rộng di động; 447 bản chưa có băng rộng cố định; ở các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới, chất lượng phủ sóng thấp, chưa ổn định, dịch vụ viễn thông còn hạn chế, khó khăn cho người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số, khai thác, tìm kiếm thông tin.

c) Về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng chưa được quan tâm đúng mức, còn tiềm ẩn nguy cơ và xảy ra tình trạng mất an toàn thông tin.

d) Về chính quyền số

Việc xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chậm; một số hệ thống quản lý đã xây dựng còn cục bộ, thiếu kết nối liên thông, chia sẻ, dùng chung dữ liệu; Việc triển khai các nền tảng số trong các cơ sở giáo dục, cơ sở khám chữa bệnh chưa đồng bộ. Việc rà soát, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tối ưu hóa quy trình, số hóa hồ sơ, tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của một số ngành chưa đảm bảo yêu cầu.

đ) Về kinh tế số và xã hội số

- Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh tiếp cận và tham gia các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp còn ít; nhiều doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử mới chỉ dừng lại ở việc giới thiệu sản phẩm hàng hóa dịch vụ đang kinh doanh, giá bán,... thông tin trên website chưa được cập nhật thường xuyên, doanh nghiệp chưa chủ động trong việc tiếp cận thông tin về thương mại điện tử nên chưa phát huy hết hiệu quả. Các doanh nghiệp công nghệ số, nền tảng số trên địa bàn tỉnh còn ít, vì vậy tính cạnh tranh chưa cao.

- Tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống, đặc biệt là dịch vụ số về y tế, giáo dục còn thấp./.